

KẾT CẤU TRẦN THUẬT TRONG TIỂU THUYẾT LỊCH SỬ VIỆT NAM ĐƯƠNG ĐẠI

Đoàn Thị Huệ

Trường Đại học Đồng Nai

Email: doanhuedhdn@yahoo.com

(Ngày nhận bài: 11/1/2024, ngày nhận bài chỉnh sửa: 7/3/2024, ngày duyệt đăng: 27/3/2024)

TÓM TẮT

Bài viết tìm hiểu kết cấu trần thuật trong tiểu thuyết lịch sử Việt Nam đương đại tập trung vào bốn kiểu kết cấu cơ bản. Một là kết cấu trần thuật theo trật tự thời gian tuyến tính. Khi ấy, cốt truyện tuân thủ nghiêm ngặt trật tự thời gian sự kiện. Hai là kiểu kết cấu đối lập, song hành. Ở đây, có sự song hành tồn tại giữa “ta” và “địch”, sự đối lập giữa các ý tưởng trong cùng một phe nhóm và ngay trong bản thân nhân vật. Ba là kiểu kết cấu theo dòng tâm trạng nhân vật. Diễn biến đời sống nội tâm nhân vật là cơ sở chính thức đẩy mạch truyện vận động, biến đổi. Bốn là kiểu kết cấu phân mảnh, trùng phức mạch truyện, góp phần mở rộng đường biên thể loại “trong tiểu thuyết có tiểu thuyết”.

Từ khóa: Kết cấu trần thuật, tiểu thuyết lịch sử, Việt Nam, đương đại

1. Đặt vấn đề

Đồng hành cùng công cuộc đổi mới đất nước, giai đoạn từ sau 1986, văn học Việt Nam thật sự khởi sắc trên nhiều phương diện. Không ít nhà nghiên cứu đã xem giai đoạn này là giai đoạn văn học đương đại, một giai đoạn có ý nghĩa quan trọng trong quá trình làm thức dậy nhiều thành tựu nghệ thuật đặc sắc của văn học Việt Nam, trong đó có vấn đề về thể loại tác phẩm. Ở đây, tác giả bài viết dùng từ “đương đại” để chỉ giai đoạn văn học sau 1986 tại Việt Nam.

Trên báo Xuân, 2004, trong bài viết: “Tiểu thuyết lịch sử đang hấp dẫn trở lại”, Nguyễn Diệu Cầm đã chỉ ra kiểu kết cấu trần thuật trong tiểu thuyết *Hồ Quý Ly* (Nguyễn Xuân Khánh) là kiểu cấu trúc vòng tròn: “Cấu trúc vòng tròn trong tiểu thuyết Hồ Quý Ly đã dẫn dụ độc giả vừa theo dòng sự kiện lịch sử, lại vừa theo dòng thời gian tiểu thuyết của một lối viết hiện đại” (Cầm, 2004, tr. 10). Ngày 9/10/2005, với “Suy

nghĩ từ những tiểu thuyết mang chủ đề lịch sử”, Phạm Xuân Thạch bàn nhiều về nghệ thuật phân tích cốt truyện của tiểu thuyết Việt Nam mang chủ đề lịch sử: “Những hiện tượng hình thức nói trên phản chiếu một sự thay đổi trong bản chất của tiểu thuyết Việt Nam đương đại về đề tài lịch sử. Cá nhân trở thành trung tâm của tự sự” (Thạch, 2005, tr. 2). Về kết cấu ở *Giàn thêu* (Võ Thị Hào) và *Con ngựa Mãn Châu* (Nguyễn Quang Thân), Phạm Xuân Thạch viết: “Có nhiều phương cách làm chủ “sự tráo trở” của cốt truyện. Hoặc họ phá vỡ trật tự cốt truyện bằng các kỹ thuật xáo trộn thời gian tự sự” (Thạch, 2005, tr. 2).

Bàn về nghệ thuật tổ chức kết cấu trong tiểu thuyết lịch sử Việt Nam sau 1986, trong “Tiểu thuyết lịch sử Việt Nam sau năm 1986 dưới góc nhìn tự sự học”, Nguyễn Văn Hùng cho rằng: “Đối với các tác phẩm thuộc thể loại tiểu thuyết lịch sử, những yêu cầu ở phương

diện kết cấu có tính chất bắt buộc phần nào đã “trói buộc” sự sáng tạo của nhà văn... Tuy vậy, mỗi người một cách, nhiều tác giả đã cố gắng tìm cho mình phương thức kết cấu tối ưu nhất nhằm chiếm lĩnh, khám phá và luận giải lịch sử, văn hóa, con người.” (Hùng, 2014, tr. 91-92).

Cùng quan tâm vấn đề này, Đoàn Thanh Liêm trong “Hệ biểu tượng nghệ thuật cơ bản trong tiểu thuyết lịch sử đương đại Việt Nam”, đã viết: “Kết cấu, ngôn ngữ, điểm nhìn, giọng điệu trần thuật của tiểu thuyết lịch sử đương đại thể hiện rõ nhất sự đổi mới. Từ lối kết cấu truyền thống theo trật tự thời gian tuyến tính, hay kết cấu chương hồi, đến thời điểm này, kết cấu đã có sự phá cách táo bạo” (Liêm, 2020, tr. 27). Đoàn Thị Huệ trong “Vấn đề hư cấu trong tiểu thuyết lịch sử Việt Nam đương đại” có nhận xét: “Về cơ bản, kết cấu tiểu thuyết lịch sử Việt Nam đương đại đã vượt thoát mô hình kết cấu truyện kể lịch sử truyền thống chuộng sự giản đơn, một nghĩa” (Huệ, 2017, tr. 189).

Nhìn chung ở các bài viết hay công trình trên, vấn đề kết cấu trần thuật trong tiểu thuyết lịch sử Việt Nam đương đại ít nhiều đã được các tác giả đề cập như một yếu tố góp phần làm nên đặc trưng thể loại của tiểu thuyết lịch sử dưới góc nhìn tự sự học hay xem đây là một khía cạnh góp phần làm nổi bật vấn đề hư cấu nghệ thuật trong tiểu thuyết lịch sử Việt Nam đương đại. Trên thực tế, vấn đề tìm hiểu kết cấu trần thuật trong tiểu thuyết lịch sử Việt Nam đương đại chưa từng được tác giả nào tìm hiểu một cách chuyên biệt và trọn vẹn.

Trên tinh thần kế thừa và đổi mới, tác giả hy vọng bài viết này sẽ góp phần mang đến cho bạn đọc một cách nhìn thêm về tiểu thuyết lịch sử, đặc biệt là vấn đề kết cấu trần thuật trong tiểu thuyết lịch sử Việt Nam đương đại. Bài viết là một đóng góp của tác giả trong việc tìm hiểu nghệ thuật trần thuật của tiểu thuyết lịch sử Việt Nam đương đại ở phương diện kết cấu, qua đó giúp bạn đọc nhận diện rõ thành tựu, xu hướng vận động của tiểu thuyết lịch sử Việt Nam đương đại trong bức tranh chung của nền văn học dân tộc.

2. Một số kiểu kết cấu thường gặp trong tiểu thuyết lịch sử Việt Nam đương đại

2.1. Kết cấu trần thuật theo trật tự thời gian tuyến tính

Kết cấu trần thuật theo trật tự thời gian tuyến tính là kiểu kết cấu mà ở đó cốt truyện tuân thủ nghiêm ngặt trình tự thời gian sự kiện. Thời gian tuyến tính là trục chính dẫn dắt sự kiện, biến cố, số phận con người. Vào khoảng thế kỷ XVII, XVIII, trên diễn đàn văn học Việt Nam, kiểu kết cấu trần thuật này đã có ở *Hoan Châu ký* (Nguyễn Cảnh Thi), *Nam Triều công nghiệp diễn chí* (Nguyễn Khoa Chiêm), *Hoàng Lê nhất thống chí* (Ngô gia văn phái). Đến giai đoạn 1930 - 1945, kiểu kết cấu trần thuật này xuất hiện ở *Giọt máu chung tình* của Tân Dân Tử, *Ngọn cờ vàng* của Đinh Gia Thuyết.

Ở giai đoạn sau, tiếp tục với kiểu kết cấu trần thuật theo thời gian tuyến tính, tiểu thuyết lịch sử Việt Nam thường có kết thúc đóng – kết thúc có hậu. Cuối tác phẩm, nhân vật lịch sử chính thống thường được phong vương, phong tướng; các cuộc chiến đấu của

dân tộc toàn thắng vẻ vang. Tiêu biểu là tác phẩm: *Trần Nguyên chiến kỹ, Việt Thanh chiến sử, Hai Bà đánh giặc, Vua Bà Triệu Âu, Đinh Tiên Hoàng, Vua Bó cái...* của Nguyễn Tử Siêu. Hay như *Lá cờ thêu sáu chữ vàng* (1960) của Nguyễn Huy Tưởng; *Sông Côn mùa lũ* của Nguyễn Mộng Giác (2003), *Giàn thêu* của Võ Thị Hảo (2005), *Hồ Quý Ly* của Nguyễn Xuân Khánh (2010)...

Ở những tác phẩm trên, diễn biến tình tiết câu chuyện tuân thủ trật tự biên niên lịch sử cụ thể. Một cách tổng quát, trật tự thời gian trần thuật trong *Tám triều vua Lý* và *Bão táp triều Trần* được Hoàng Quốc Hải xây dựng theo mô hình tuyến tính chặt chẽ. Việc tổ chức, sắp xếp sự kiện lịch sử trong hai bộ tiểu thuyết tuân thủ thứ tự trước sau, phản ánh chuỗi phát triển liên tục quá trình chấp chính – hưng thịnh – suy vong của hai triều đại Lý – Trần. Sự kiện đầu tiên của bộ tiểu thuyết gắn liền giai đoạn khởi nghiệp của nhà Lý thể hiện trong *Thiên sư dựng nước*. Sự kiện về công cuộc xây dựng và phát triển đất nước trước nạn nội xâm và ngoại xâm của nhà Lý thể hiện trong *Con ngựa nhà Phật* và *Bình Bắc dẹp Nam*. Sự kiện lịch sử trong những năm cuối triều Lý được khắc họa rõ nét trong *Con đường định mệnh*. Tại thời điểm này, nhà Lý kết thúc sứ mệnh lịch sử bằng cuộc chuyển giao quyền lực sang nhà Trần. “Huệ tông mất ở tuổi 33, kết thúc sự nghiệp của nhà Lý, khởi nghiệp năm Canh Tuất (1010) và đoạn ở năm Ất Dậu (1225), cộng lại là 216 năm” (Hải, 2010, tr. 983).

Việc tổ chức hệ sự kiện lịch sử trong *Bão táp triều Trần* (Hoàng Quốc Hải) tuân thủ trật tự thời gian tuyến tính. Tính chất tuyến tính về thời gian

trong mạch trần thuật của người kể chuyện tạo nên sự liên kết tự nhiên giữa các tập tiểu thuyết. Sáu tập tiểu thuyết có sự kết nối liên hoàn, hệ thống giữa các giai đoạn phát triển trong lịch sử trị vì của vương triều Trần. Nhìn chung, sự kiện lịch sử trong hai bộ tiểu thuyết trên khá thống nhất với sự kiện lịch sử về hai triều đại Lý, Trần được ghi lại trong chính sử Đại Việt. Điều này giúp độc giả không quá căng thẳng, không mất nhiều thời gian vẫn có thể hình dung cụ thể và tương đối hệ thống về hai thời kỳ lịch sử phức tạp có nhiều biến động trong lịch sử Đại Việt.

Những năm đầu thế kỷ XXI, dù quan niệm về tiểu thuyết lịch sử có nhiều thay đổi nhưng Nguyễn Xuân Khánh khi viết *Hồ Quý Ly* vẫn tiếp tục chọn kiểu kết cấu trần thuật này theo trật tự thời gian tuyến tính. Điều này thể hiện ở số chương của tác phẩm. Toàn bộ tác phẩm (802 trang) được tác giả tổ chức thành 13 chương. Ở chương I, tác phẩm mang tính chất giới thiệu nên số trang ít. Chương V, XII, XIII đề cập đến các sự kiện, biến cố lịch sử trọng đại cũng như số phận và cuộc đời riêng của nhiều nhân vật lịch sử chủ chốt nên có số trang nhiều. Đối với nhân vật Hồ Quý Ly, Nguyễn Xuân Khánh dành trọn hai chương (chương IX và chương X) viết về con đường tiến thủ từ khi ông chưa làm quan cho đến lúc ông nắm giữ được quyền uy tối thượng.

Dấu ấn biên niên theo trật tự thời gian tuyến tính thể hiện rõ trong *Sông Côn mùa lũ* của Nguyễn Mộng Giác và *Hội thê* của Nguyễn Quang Thân. Ở *Sông Côn mùa lũ* (Nguyễn Mộng Giác), toàn bộ câu chuyện về triều đại Tây Sơn được tác giả xây dựng trên cơ sở tôn

trọng trật tự xuất hiện các sự kiện lịch sử. Câu chuyện bắt đầu từ khi phong trào nông dân Tây Sơn khởi dậy – năm 1765, cho đến khi hoàng đế Quang Trung – Nguyễn Huệ băng hà – năm 1792. Tác phẩm có cấu trúc gồm 101 chương, chia thành bảy phần lớn. Nhiều sự biến lịch sử quan trọng gắn liền các nhân vật chủ chốt trong quân đội, về sau là triều đại Tây Sơn, được tác giả đề cập đến theo trật tự thời gian tuyến tính. Đồng hành cùng ánh hào quang ngày càng rực sáng của hoàng đế Quang Trung – Nguyễn Huệ, cuộc đời các nhân vật khác trong tác phẩm cũng bước vào giai đoạn cao trào. Mâu thuẫn giữa hai anh em Nguyễn Nhạc và Nguyễn Huệ ngày càng căng thẳng. Nguyễn Nhạc tỏ thái độ dứt khoát với Nguyễn Huệ và các tướng lĩnh theo em trai. Nguyễn Huệ một lòng theo đuổi khát vọng thống nhất đất nước. Chương VI có thể xem là chương trọng tâm của toàn bộ tác phẩm.

Nhìn chung, kiểu kết cấu trần thuật theo trật tự thời gian tuyến tính đã xuất hiện khá phổ biến trong tiểu thuyết lịch sử Việt Nam ở cả hai giai đoạn trước và sau năm 1986. Cùng với việc kế thừa cách tổ chức câu chuyện theo kiểu truyền thống, tác giả tiểu thuyết lịch sử Việt Nam đương đại đã có nhiều tìm tòi, mang lại cho tác phẩm đời sống riêng, lưu giữ ấn tượng sâu sắc trong lòng bạn đọc.

2.2. Kết cấu trần thuật đối lập, song hành

Kết cấu trần thuật đối lập xuất hiện phổ biến trong các tác phẩm có sự xung đột, đối kháng giữa các lực lượng xã hội hoặc giữa các luồng tư tưởng dẫn đến việc hình thành hai tuyến nhân vật đối

lập cùng song hành tồn tại. Ở đây, tác phẩm thường kết thúc có hậu. Khép lại câu chuyện kể, nhà văn để phần thắng thuộc về phe chính nghĩa, về người tốt, người hiền, về lực lượng xã hội tiến bộ, tích cực, về những người thuộc phe “ta” trong thế đối đầu với phe “địch”.

Đến giai đoạn sau năm 1986, về mặt hình thức, kiểu kết cấu trần thuật này tiếp tục được nhà văn bổ sung một dạng mới. Lúc bấy giờ, hai tuyến nhân vật được trình bày không phải ở thể “đối lập” mà ở thể “song hành” tồn tại. Ở mỗi tuyến nhân vật thường tập hợp những người cùng chung chí hướng, tính cách. Giữa các tuyến nhân vật thường không có mâu thuẫn đối kháng đến mức bài trừ mà chúng cùng song hành tồn tại, cùng ứng chiếu và hỗ trợ nhau để cùng phát triển theo hướng đi riêng. Tính chất “đối lập” không chỉ thể hiện trong mối quan hệ đối kháng giữa các lực lượng xã hội thuộc hai phe khác nhau mà thể hiện trong cách nhìn nhận vấn đề của những người thuộc cùng một phe nhóm/ một lực lượng xã hội. Sự đối lập diễn ra trên toàn diện, nhà văn cố ý giấu mình đi, không trực tiếp bộc lộ chính kiến trước mỗi biến cố lịch sử. Tác phẩm thường kết thúc mở - kết thúc không có hậu, nhân vật chính chịu nhiều bi kịch. Phần nhiều, đó là kiểu nhân vật lưỡng diện, đa trị, sinh động như con người thật đang hiện hữu giữa đời.

Đọc tiểu thuyết lịch sử Việt Nam đương đại, người đọc dễ nhận thấy dấu ấn kiểu kết cấu trần thuật này có trong các tác phẩm: *Tám triều vua Lý*, *Bão táp triều Trần* (Hoàng Quốc Hải), *Sông Côn mùa lũ* (Nguyễn Mộng Giác), *Hồ Quý Ly* (Nguyễn Xuân Khánh), *Hội thề* (Nguyễn Quang Thân)...

Tám triều vua Lý và Bão táp triều Trần của Hoàng Quốc Hải có thời gian cốt truyện lần lượt là 216 năm và 175 năm tương ứng với hai triều đại Lý – Trần trong lịch sử Đại Việt. Tác giả đã sử dụng kiểu kết cấu trần thuật đối lập, tương phản để tái hiện cuộc xung đột, đối đầu gay gắt giữa hai tuyến nhân vật “ta” với “địch”. Trên quy mô rộng lớn của cuộc chiến vệ quốc vĩ đại, “ta” là toàn thể quân dân Đại Việt, “địch” là giặc phương Bắc và phương Nam. Trong thế đối lập đó, tất cả quan quân triều đình, nhân dân nước Đại Việt đều tạm gác lợi ích cá nhân, cùng chung tay góp sức kinh chống kẻ thù xâm lược. Dưới sự lãnh đạo của Đức thánh Trần Trần Hưng Đạo, ba lần cuộc kháng chiến chống Nguyên – Mông của quân dân Đại Việt đều giành thắng lợi vẻ vang, khiến uy danh Đại Việt vang lừng bốn cõi. “Từ đây, nước ta vừa ổn định để xây dựng lại đất nước, vừa cùng cố binh bị” (Hải, 2011, tr. 586).

Ở *Sông Côn mùa lũ* (Nguyễn Mộng Giác) và *Hội thề* (Nguyễn Quang Thân), sự đối lập giữa hai tuyến “ta” và “địch” thể hiện khá rõ khi lập trường tư tưởng của nhà văn về cơ bản thống nhất với lập trường tư tưởng của người anh hùng dân tộc Quang Trung – Nguyễn Huệ và Lê Lợi. Họ là những nhân vật lịch sử đại diện cho ý chí, nguyện vọng chính đáng của toàn thể quân dân Đại Việt trong thế đối lập với lũ giặc xâm lược.

Bên cạnh đó, ở những tác phẩm này, sự đối lập giữa hai tuyến nhân vật thể hiện ở phạm vi hẹp hơn, giữa những lực lượng thuộc cùng chiến tuyến “ta” nhưng đối lập nhau về tư tưởng và quyền lợi chính trị. Trong phạm vi triều đình và giữa các thế lực trong cùng một

nước, nhu cầu tranh đoạt quyền lợi đã hình thành nên các phe đối lập. Ở *Tám triều vua Lý* (Hoàng Quốc Hải), có mâu thuẫn đối kháng giữa vua Trần Nhân Tông (đứng đầu là Nguyên phi Ý Lan và thái úy Lý Thường Kiệt) với thái sư Lý Đạo Thành và Thượng Dương hoàng hậu. Hay mâu thuẫn giữa Trần Thủ Độ với các cựu thần và tôn thất nhà Lý (*Bão táp triều Trần* – Hoàng Quốc Hải); mâu thuẫn giữa phe cải cách Hồ Quý Ly (gồm Hồ Quý Ly, Hồ Hán Thương, Nguyên Cẩn) với phe bảo thủ (Trần Khát Chân, Trần Nguyên Hảng...), giữa triều đình vua Trần Nghệ Tông với những người thuộc phe nổi dậy mà đứng đầu là Phạm Sư Ôn (*Hồ Quý Ly* – Nguyễn Xuân Khánh). Ở đó, có mâu thuẫn giữa Nguyễn Huệ với Lê Chiêu Thống (Đàng Ngoài), giữa Nguyễn Huệ với Nguyễn Ánh (Đàng Trong), giữa Nguyễn Huệ với vua anh Nguyễn Nhạc cũng là giữa Phú Xuân với Hoàng đế thành (*Sông Côn mùa lũ* – Nguyễn Mộng Giác); giữa trí thức Thăng Long (Nguyễn Trãi, Trần Nguyên Hãn) với võ tướng Lam Sơn (Phạm Vấn, Lê Sát...) (*Hội thề* - Nguyễn Quang Thân)... Các phe phái trên không ngừng kinh chống, đối lập nhau gay gắt. Có khi họ không công khai đối đầu mà ngầm ngầm trù liệu kế hoạch để diệt trừ nhau. Cũng có lúc hai phe đối lập có sự thỏa hiệp. Họ qua lại với nhau nhưng hết sức miễn cưỡng. Những khi chủ quyền lãnh thổ, quyền lợi dân tộc bị đe dọa trước họa ngoại xâm, họ buộc gác lại mối thù riêng để chung tay lo toan việc lớn. Hoặc khi một trong hai phe không đủ lạnh lùng vượt quá ranh giới tình máu mủ, họ cũng tạm hòa hoãn (như trường hợp

mâu thuẫn giữa Phú Xuân và Hoàng đế thành trong *Sông Côn mùa lũ* - Nguyễn Mộng Giác). Những lúc ấy, hai phe cùng hợp sức đánh đuổi kẻ thù chung. Nhưng khi đất nước bước vào giai đoạn ổn định thì các phe phái lại tiếp tục đối đầu gay gắt, không ngừng ra sức củng cố địa vị và quyền lợi cá nhân.

Ngoài ra, tác giả tiểu thuyết lịch sử Việt Nam đương đại còn đề cập đến không ít phương diện đối lập, mâu thuẫn ngay trong bản thân nhân vật. Điều này thể hiện rõ ở các nhân vật lịch sử như: Trần Thủ Độ (*Bão táp triều Trần* - Hoàng Quốc Hải), Hồ Quý Ly (*Hồ Quý Ly* - Nguyễn Xuân Khánh), Quang Trung - Nguyễn Huệ (*Sông Côn mùa lũ* - Nguyễn Mộng Giác), Lê Lợi (*Hội thề* - Nguyễn Quang Thân)... Được soi chiếu từ nhiều điểm nhìn, mỗi nhân vật lịch sử mang một dáng vẻ riêng. Nhưng chung quy lại, họ đều là cá nhân kiệt xuất, thống nhất giữa các mặt đối lập trong mọi suy nghĩ và hành động. Trần Thủ Độ sẵn sàng làm điều tàn bạo, tiêu diệt tận gốc những người thuộc tôn thất nhà Lý nhằm trừ hậu họa về sau nhưng cũng là người thương cháu ruột (Trần Cảnh) như con và hết lòng tận trung vì nước. Ông đủ mưu lược vạch kế hoạch xoay chuyển thời thế nhưng cũng thừa lòng nhân, dùng khí và sự sáng suốt để trừ liệu kế hoạch trường trị lâu dài cho đất nước. Hồ Quý Ly (*Hồ Quý Ly* - Nguyễn Xuân Khánh) là người phức tạp không kém. Ông tàn ác, lạnh lùng, thẳng tay thanh trừng người thuộc phe đối lập nhưng lại dịu dàng, đằm thắm, thủy chung với người phụ nữ của đời mình. Ông tiếm quyền, chiếm đoạt ngôi vị quân vương của cháu ngoại (Trần An) nhưng lại là người ông thương con cháu

hết lòng, luôn lao tâm khổ trí kiếm tìm phương thuốc lớn “thay máu” cho toàn dân tộc. Cũng như thế, qua nhiều đoạn đối thoại và độc thoại nội tâm, Quang Trung - Nguyễn Huệ trong *Sông Côn mùa lũ* (Nguyễn Mộng Giác) thể hiện rõ hình ảnh tiêu biểu về sự thống nhất giữa các mặt đối lập trong tính cách và hành động. Ông vừa liêu lĩnh vừa chín chắn, vừa bộc trực vừa tinh tế, vừa quyết đoán trong chiến trận vừa nhạy cảm trong cuộc sống đời thường. Nhân vật Lê Lợi trong *Hội thề* (Nguyễn Quang Thân) cũng là mẫu nhân vật lưỡng diện, đa trị, tự trong bản thân có nhiều mâu thuẫn, trái chiều. Đó là một Lê Lợi quyết tâm theo đuổi đến cùng tư tưởng Bình Ngô sách của Nguyễn Trãi nhưng cũng là người thiếu kiên định, có lúc vì nóng giận mà hiếu sát, muốn đánh một trận tận diệt quân thù. Đó là một Lê Lợi vừa mang trong mình phẩm chất cao quý của bậc đế vương vừa có nét đời thường, bình dị trong cách hành xử, nói năng với người thuộc cấp. Nhưng trên hết, Lê Lợi vẫn có nhiều đức tính đáng quý của một vị minh quân: “Người đã đặt sự tồn vong và nền thịnh trị ngàn năm của Đại Việt trên tất cả toan tính và tham vọng cá nhân” (Thân, 2011, tr. 254).

Cùng việc kế thừa truyền thống, tác giả tiểu thuyết lịch sử Việt Nam đương đại đã có nhiều tìm tòi đổi mới trong cách vận dụng kiểu kết cấu trần thuật đối lập, song hành đem đến cho câu chuyện lịch sử sức hấp dẫn, cuốn hút người đọc. Không chỉ là sự đối lập giữa “ta” và “địch” mà còn là sự đối lập giữa các lực lượng chính trị, các luồng tư tưởng trái chiều giữa các nhóm/ các phe phái trong phạm vi một triều đình, một quốc gia/ dân tộc. Đó còn là sự đối lập,

tương phản thể hiện đậm nét trong bản thân mỗi nhân vật lịch sử. Cũng như thế, thay cho kiểu kết thúc có hậu, tất cả đoàn viên đề huề hạnh phúc thì tiểu thuyết lịch sử Việt Nam đương đại đã bỏ ngỏ với kiểu kết thúc mở hoặc kết thúc trong bi kịch. Với kiểu kết cấu trần thuật này, tác giả tiểu thuyết lịch sử Việt Nam đương đại thể hiện rõ cái nhìn biện chứng về các nhân vật chủ chốt, các sự kiện trọng đại trước những điểm mờ, những ẩn số lịch sử mà người đời chưa dễ làm sáng tỏ.

2.3. Kết cấu trần thuật theo dòng tâm trạng nhân vật

Trần thuật theo dòng tâm trạng nhân vật là kiểu kết cấu mà ở đó diễn biến đời sống nội tâm nhân vật là cơ sở chính thúc đẩy mạch truyện vận động, biến đổi. Câu chuyện được thuật kể chủ yếu dựa trên sự vận động tâm lý gắn liền những bức xúc, những dằn vặt nội tâm, có cả niềm vui lẫn nỗi buồn của người trong cuộc. Tất cả tạo nên dòng ý thức hiện diện xuyên suốt mạch truyện. Mạch trần thuật bị hút trôi theo mạch suy tưởng của nhân vật, độc giả trở thành người nhập cuộc, nhập hẳn vào thế giới nội tâm nhiều suy tư, trăn trở của nhân vật. Còn câu chuyện, cái được mỗi người đọc tự kiến tạo lấy trên cơ sở nối kết nhiều dòng suy tư, nhiều đoạn mạch tâm trạng của nhân vật đã trở nên chân thật, thuyết phục và giàu sức ám gợi.

Với kiểu kết cấu trần thuật này, tác giả tiểu thuyết lịch sử Việt Nam đương đại thường mở đầu tác phẩm ở mốc cao trào của tình tiết, tạo nhiều kỹ xảo sắp đặt tình tiết, lấy quy luật phát triển tâm lý nhân vật làm nguyên nhân chính thúc đẩy mạch truyện vận động. Kiểu kết cấu này cũng phá vỡ lối kết thúc có hậu của

tiểu thuyết truyền thống. Nhiều lúc, tác phẩm đã kết thúc nhưng vấn đề trong tác phẩm vẫn còn bỏ ngỏ, hành trình của nhân vật chính vẫn tiếp diễn trong mạch suy tưởng của bạn đọc.

Đến với *Hồ Quý Ly* (Nguyễn Xuân Khánh) là đến với nghệ thuật kể chuyện theo dòng tâm trạng nhân vật của nhà văn. Tác phẩm mở đầu bằng sự kiện Hội thề Đồng Cổ. Nguyễn Xuân Khánh thử thách sự chờ đợi của bạn đọc bằng nhiều câu chuyện về cuộc đời của các nhân vật lịch sử như vua Trần Nghệ Tông, Hồ Nguyên Trừng, Trần Khát Chân... Nhân vật trung tâm của tác phẩm là Hồ Quý Ly được tác giả đề cập đến ở phần sau với đầy đủ các chi tiết về gia đình, tài năng, bản lĩnh, tính cách phức tạp và con đường thăng tiến, bước ngoặt cuộc đời. Đi sâu miêu tả diễn biến đời sống nội tâm nhân vật, Nguyễn Xuân Khánh lần lượt dẫn dắt bạn đọc vào thế giới của những bí ẩn, quanh co trong đời sống nội tâm để nhân vật tự do bộc bạch nỗi niềm sâu khuất. Mạch truyện cứ thế chùng chình miên viễn theo dòng ý thức nhân vật, người đọc khó tìm ra cấu trúc câu chuyện. Cốt truyện tác phẩm trở nên lỏng lẻo, thiếu mạch lạc, nhiều chỗ đứt đoạn khi tác giả cố ý để các chi tiết/ diễn biến sự kiện lịch sử có liên quan đến nhân vật này đặt cạnh hoặc đan xen với sự kiện liên quan đến nhân vật khác. Đang kể chuyện Hồ Quý Ly, nhà văn rẽ sang chuyện của Đoàn Xuân Lô, sau đó trở về chuyện của Hồ Quý Ly và thoát cái ngoặt sang chuyện của Sử Văn Hoa, của Phạm Sinh. Có khi mạch trần thuật đang ở thì hiện tại với chuỗi suy tư, toan tính về thời cuộc của Hồ Quý Ly thì quá khứ lại ùa về cắt ngang luồng suy tưởng của nhân vật, sau đó mạch trần thuật tiếp

tục vận động về hướng tương lai, tiếp nối mạch trần thuật còn bỏ dở lúc đầu. Như thế, tính chất nhất quán của cốt truyện, bối cảnh, ngoại cảnh câu chuyện bị đẩy xuống hàng thứ yếu. Điều tác giả quan tâm và muốn tập trung thể hiện chính là đời sống nội tâm, là cảm xúc và liên tưởng của nhân vật.

Sông Côn mùa lũ (Nguyễn Mộng Giác) viết về triều đại Quang Trung, cấu trúc gồm bảy phần lớn trải dài suốt 1454 trang sách. Tác giả đề câu chuyện được kể ra bởi lời kể của nhiều chủ thể. Mở đầu tác phẩm, nhà văn tái hiện trước mắt người đọc bức tranh hiện thực xã hội sinh động những năm cuối thế kỷ XVIII. Đó là thời kỳ lịch sử phức tạp và đầy biến động với liên tiếp các cuộc nội chiến giữa Đảng Trong với Đảng Ngoài, giữa quân Trịnh với Tây Sơn, giữa Tây Sơn với Nguyễn Ánh, giữa toàn thể quân dân Đại Việt với giặc xâm lược Mãn Thanh, giữa Phú Xuân với Hoàng đế thành... Vấn đề số phận người anh hùng, người trí thức, người phụ nữ và người dân thường thời loạn được nhà văn tập trung làm rõ khi đề mạch trần thuật đi sâu vào diễn biến tâm lý phức tạp của họ. Chi phối mạch trần thuật chính của tác phẩm là dòng ý thức không dứt của thầy giáo Hiến, An và Nguyễn Huệ. Giáo Hiến là hình ảnh tiêu biểu của kiểu người trí thức thời loạn. Là thầy học của hai anh em Nguyễn Lữ và Nguyễn Huệ, giáo Hiến - trong vai trò quân sư - đã đến với cuộc khởi nghĩa Tây Sơn (người đứng đầu là Nguyễn Nhạc) như lẽ tất yếu. Trước thời cuộc nhiễu nhương, ông sẵn sàng nhập thế những mong đóng góp công sức vào sự nghiệp chung của toàn dân tộc. Nhưng bị ràng buộc bởi tư tưởng

trung quân, bản thân ông luôn băn khoăn, day dứt về con đường mình đi. Mãi ôm giữ khư khư tư tưởng trung quân cứng nhắc, ông tự kết thúc đời mình trong bi kịch: quẫn trí vì bị thất sủng và chết trong sự ghẻ lạnh của người đời.

Cùng với đó, kiểu kết cấu trần thuật theo dòng tâm trạng nhân vật trong *Sông Côn mùa lũ* cũng đưa người đọc đến với chuỗi ý thức nối tiếp nhau không dứt trong mạch suy tưởng của An và Nguyễn Huệ. Tác giả đề câu chuyện về cuộc đời An khởi đầu từ suy nghĩ, lo lắng của cô trước biến cố gia đình và sự ra đi đột ngột của mẹ đến những rung động xao xuyến băng khuâng lẫn thẹn thùng khi đứng trước Nguyễn Huệ, sự bẽ bàng của người con gái khi phải lấy người mình không yêu, nỗi đau của người con khi chứng kiến bi kịch của cha - ông đồ Nho thất thế trong ván cờ tàn chính trị. Cuối cùng trong cơn hỗn loạn của thời cuộc, sau cái chết đầy nhục nhã của người chồng không xứng đáng, An một lần nữa gánh cả sức nặng lịch sử trên vai, tiếp tục dẫn bước vào cuộc hành trình không hẹn trước. “Quanh chị người ta thờ dài... Chị không nghe gì cả. Chị sống và chết riêng lẻ trong thế giới của chị” (Giác, 2003, tr. 1144).

Có thể nói, khi sử dụng kiểu kết cấu trần thuật theo dòng tâm trạng nhân vật, tác giả tiểu thuyết lịch sử Việt Nam đương đại đã có nhiều sáng tạo khi viết nên nhiều trang văn thấm đẫm cảm xúc, đưa người đọc đi từ “dòng ý thức” này đến “dòng ý thức” khác với rất nhiều liên tưởng bất ngờ, thú vị về lịch sử (vĩ mô) và số phận con người (vi mô) ở mỗi khúc quanh thời cuộc. Đồng thời

những cái kết không có hậu của những tác phẩm được trình bày theo kiểu kết cấu trần thuật này cũng góp phần tạo nên dư vang xúc cảm trong lòng người đọc. Kết thúc *Hồ Quý Ly* (Nguyễn Xuân Khánh), người đọc không biết hành trình của cô kỹ nữ Thanh Mai, của kẻ sĩ Phạm Sinh sẽ đi đâu, về đâu cũng như kẻ sách hung dân và những việc làm tiếp theo của Hồ Quý Ly cùng phe cánh tân sẽ là gì khi hội thê Đồn Sơn thất bại. Ở *Sông Côn mùa lũ* (Nguyễn Mộng Giác), sau cái chết đột ngột của hoàng đế Quang Trung – Nguyễn Huệ, sau sự thất thế, mỗi người mỗi ngả của các thành viên trong gia đình giáo Hiến, Nguyễn Mộng Giác đột ngột khép lại tác phẩm, không nói gì thêm về việc Cảnh Thịnh lên ngôi, về cuộc sống của An sau ngày chạy nạn từ Phú Xuân vào Bến Ván. Đây rõ ràng là kiểu kết thúc mở - kiểu kết thúc không có cảnh đoàn viên, chiến thắng vinh danh hay hạnh phúc vẹn tròn mà chỉ có chia lìa, ly biệt, chỉ có ánh mắt ngác ngơ và bước đi như hụt chân của nhân vật chính.

2.4. Kết cấu trần thuật phân mảnh, trùng phức mạch truyện

Nét riêng ở những tác phẩm có kiểu kết cấu trần thuật phân mảnh, trùng phức mạch truyện là sự phân tách cốt truyện lớn ra thành nhiều cốt truyện nhỏ, xáo trộn thời gian trần thuật, phá vỡ trật tự thời gian tuyến tính của sự xuất hiện các sự kiện, xóa bỏ ranh giới giữa thực và ảo... khiến cốt truyện trở nên lỏng lẻo, bị co giãn hoặc phân cắt thành nhiều mảnh ghép, khó nắm bắt, khó kể lại. Với kiểu kết cấu trần thuật này, nhà văn dễ mở rộng đường biên thể loại - “trong tiểu thuyết có tiểu thuyết”, góp phần gia tăng chất tiểu

thuyết cho tác phẩm khi đi sâu khám phá câu chuyện đời tư thế sự của nhân vật lịch sử. Cuộc đời của mỗi nhân vật trong tác phẩm giống như một cuốn tiểu thuyết nhỏ. Tất cả lồng ghép, chồng xếp, dồn nén trong tác phẩm tạo nên lượng thông tin phong phú, đa dạng về đời sống – xã hội – thời đại, về lịch sử và số phận con người. Kiểu kết cấu trần thuật này có trong *Bão táp triều Trần* (Hoàng Quốc Hải), *Hồ Quý Ly* (Nguyễn Xuân Khánh), *Sông Côn mùa lũ* (Nguyễn Mộng Giác), *Hội thê* (Nguyễn Quang Thân)...

Câu chuyện gốc của *Bão táp triều Trần* (Hoàng Quốc Hải) là câu chuyện về quá trình hình thành – hưng thịnh - suy vong của triều đại nhà Trần. Trong khi kể lại câu chuyện lịch sử ấy, người kể chuyện lồng ghép thêm nhiều câu chuyện nhỏ về cuộc đời, số phận của các nhân vật lịch sử - những người đã làm nên hoặc can dự trực tiếp đến các biến cố lịch sử trọng đại của dân tộc. Đó là câu chuyện về cuộc chuyển giao quyền lực giữa hai triều đại Lý - Trần được thực hiện ngoạn mục bởi Trần Thủ Độ và Trần Thị Dung (*Bão táp cung đình*); câu chuyện về hào khí Đông A, về sức mạnh quật khởi làm nên chiến công hào hùng, hiển hách của quân dân nhà Trần trong ba cuộc kháng chiến chống ngoại xâm (*Thăng Long nổi giận, Đuổi quân Mông Thát*); câu chuyện về bi kịch cuộc đời Huyền Trân công chúa gắn liền kế sách ngoại giao khéo léo của đức thượng hoàng Trần Nhân Tông (*Huyền Trân công chúa*); câu chuyện về sự suy yếu và diệt vong, kết thúc sứ mệnh lịch sử của nhà Trần kéo dài 175 năm lịch sử (*Vương triều sụp đổ*). Trên nền các câu chuyện nhỏ

ấy, người đọc tiếp nhận thêm nhiều câu chuyện phái sinh khác. Như chuyện về vua Lý Huệ Tông và Trần Thị Dung, Lý Chiêu Hoàng và Trần Cảnh, Thuận Thiên, Trần Thủ Độ và Trần Thị Dung, Trần Quốc Tuấn và công chúa Thiên Thành... trong *Bảo táp cung đình*.

Với Nguyễn Xuân Khánh, ông luôn muốn vượt lên những quy định khuôn khổ truyền thống, mở lối đi riêng trong sáng tác. Kiểu kết cấu trần thuật trùng phức mạch truyện được nhà văn ưu ái sử dụng để “nhào nặn” lại câu chuyện lịch sử của dân tộc theo dụng ý riêng. Người đọc không khó nhận ra sợi chỉ đỏ xuyên suốt trong *Hồ Quý Ly* là câu chuyện lịch sử của nước Đại Việt những năm cuối Trần đầu Hồ. Trong giai đoạn này, Đại Việt phải đối mặt với nhiều biến động dữ dội, chứng kiến nhiều cuộc thanh trừng tàn khốc giữa hai phe bảo thủ và canh tân trong nội bộ triều đình. Lồng ghép trong câu chuyện lớn ấy, ở *Hồ Quý Ly* (Nguyễn Xuân Khánh) còn nhiều câu chuyện nhỏ khác. Đó là câu chuyện về cuộc đời nhân vật lịch sử Hồ Quý Ly – người nắm toàn quyền sinh sát trong tay, quyết đoán, lạnh lùng, thông minh, táo bạo đồng thời cũng là cá nhân đầy nghĩa tình, luôn cảm thấy cô đơn, u uất mỗi khi tự đối diện với bản thân. Đó là câu chuyện về cuộc đời làm vua bất đắc chí của thượng hoàng Trần Nghệ Tông và ông vua trẻ Trần Thuận Tông. Họ là những vị vua cuối của dòng họ Trần một thời oanh liệt, nay phải gánh chịu bi kịch lịch sử quá nặng trên vai. Thuộc dòng dõi hoàng tộc, Trần Nghệ Tông buộc phải làm vua như một việc chẳng đáng dừng: “*Con tưởng cha thích làm vua lắm sao?*” (Khánh, 2010, tr. 346).

Thuận Tông hơn một lần từ chối ngôi vị quân vương do cha để lại: “Xin cha thương con. Con vốn không có chí làm vua” (Khánh, 2010, tr. 346). Cũng như cha, Thuận Tông lên ngôi khi chưa hiểu hết âm mưu và thủ đoạn của hai phe đối nghịch cũng như chưa thể tìm ra hướng đi cho lịch sử giữa thời cuộc “thiên túy”. Vận nước lao đao, các phe đối nghịch đẩy mạnh việc chống đối, thanh trừng lẫn nhau, Thuận Tông không biết xử trí thế nào, đành tìm an ủi trong suy nghĩ siêu hình của Đạo giáo và sau cùng đã chết trong sự lặp lại bi kịch của vị vua cuối triều Lý.

Sông Côn mùa lũ được Nguyễn Mộng Giác sáng tác theo kiểu kết cấu trần thuật phân mảnh, trùng phức mạch truyện. Tác phẩm có cốt truyện trung tâm xoay quanh quá trình thiết lập triều đại Quang Trung - Nguyễn Huệ. Với cốt truyện đó, các chi tiết chính của tác phẩm là các sự kiện, biến cố lịch sử có liên quan đến triều đại Tây Sơn. Lồng ghép trong câu chuyện về cuộc đời binh nghiệp của hoàng đế Quang Trung – Nguyễn Huệ, tác giả đưa người đọc đến với câu chuyện tình yêu giữa Nguyễn Huệ và con gái thầy giáo Hiến. Mỗi nhân vật, mỗi gia đình xuất hiện trong tác phẩm đều khai mở một câu chuyện khác nhỏ hơn, không ngừng cuốn hút, hấp dẫn người đọc. Trong câu chuyện về gia đình thầy giáo Hiến có hàng loạt các câu chuyện khác đan cài, lồng ghép vào nhau. Đó là chuyện về ông giáo, bà giáo, Kiên, Chinh, An, Lãng trong mối quan hệ với gia đình quan nội hữu, với Hai Nhiều, với Lợi và đặc biệt là với ba anh em Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ, Nguyễn Lữ. Khi kể về Kiên, Lợi và Lãng, tác giả lồng ghép vào đó câu

chuyện của Năm Ngạn, của viên cai cơ, chuyện Thọ Hương, chuyện của Cúc... Khi kể về gia đình Nguyễn Nhạc, nhà văn không quên lồng ghép thêm các câu chuyện của nhiều nhân vật khác có liên quan. Nguyễn Nhạc, đặc biệt là những người có can dự trực tiếp đến diễn biến thời cuộc. Đó là chuyện về những người cùng chí hướng với Nguyễn Huệ như Sở, Diệu, Ngô Thì Nhậm, Trần Văn Kỳ, La Sơn phu tử - Nguyễn Thiếp...

3. Kết luận

Là phương tiện cơ bản của sáng tác nghệ thuật, kết cấu trần thuật giữ vai trò quan trọng trong tổ chức tác phẩm. Trong quá trình sáng tác, nhà văn luôn chú ý kiếm tìm một hình thức kết cấu trần thuật thích hợp để làm nổi bật tư tưởng thẩm mỹ của tác phẩm.

Bên cạnh những sự kiện gắn liền tư liệu lịch sử chính xác, phần lớn các sự kiện trong tiểu thuyết lịch sử Việt Nam

đương đại không được nhà văn định mốc thời gian cụ thể. Sự linh hoạt trong nghệ thuật trần thuật này giúp bạn đọc có cảm giác về những gì được tái hiện trong tác phẩm vừa chân thật như lịch sử lại vừa sinh động, sâu sắc, bất ngờ và hấp dẫn như những gì đang diễn ra trong cuộc sống. Việc tác giả kết hợp linh hoạt, hiệu quả các kiểu kết cấu trần thuật khác nhau trong cùng một tác phẩm như: kết cấu tuyến tính, theo trật tự thời gian; kết cấu đối lập, song hành; kết cấu theo dòng tâm trạng nhân vật; kết cấu trùng phức các mạch truyện, đã góp phần đem lại sự sinh động, tăng sức hấp dẫn cho câu chuyện kể. Lịch sử hào hùng của dân tộc được ánh xạ qua bức tranh hiện thực cuộc đời nhân vật. Đến lượt mình, hiện thực cuộc đời nhân vật đã làm ánh hào quang lịch sử dân tộc càng trở nên sáng rõ và rạng rỡ hơn bao giờ hết.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Cầm, N.D. (2004). “Tiểu thuyết lịch sử đang hấp dẫn trở lại”. *Báo Lao động Xuân* 2004, 10-11.
- Giác, N.M. (2003). *Sông Côn mùa lũ*, tập 2. Hà Nội: Nxb Văn học, Trung tâm Nghiên cứu Quốc học.
- Hải, H.Q. (2010). *Tám triều vua Lý*, tập 4. Hà Nội: Nxb Phụ nữ.
- Hải, H.Q. (2011). *Bão táp triều Trần*, tập 4. Hà Nội: Nxb Phụ nữ.
- Huệ, Đ.T. (2017). *Vấn đề hư cấu nghệ thuật trong tiểu thuyết lịch sử Việt Nam đương đại* (Luận án Tiến sĩ, Trường Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn – Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh).
- Hùng, N.V. (2014). *Tiểu thuyết lịch sử Việt Nam sau năm 1986 dưới góc nhìn tự sự học* (Luận án Tiến sĩ, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam, Học viện Khoa học Xã hội, Hà Nội).
- Khánh, N.X. (2010). *Hồ Quý Ly*. Hà Nội: Nxb Phụ nữ.
- Liêm, Đ.T. (2020). *Hệ biểu tượng nghệ thuật cơ bản trong tiểu thuyết lịch sử đương đại Việt Nam* (Luận án Tiến sĩ, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam, Học viện Khoa học Xã hội, Hà Nội).
- Thạch, P.X. (2005). *Suy nghĩ từ những tiểu thuyết mang chủ đề lịch sử*. Truy cập ngày 15.8.2022, từ <http://khoavanhoc.edu.vn/index.php/vh-vn/66-phm-xuan-thch>.
- Thân, N.Q. (2011). *Hội thê*. Hà Nội: Nxb Phụ nữ.

STRUCTURE OF NARRATION IN CONTEMPORARY VIETNAMESE HISTORICAL NOVELS

Doan Thi Hue

Dong Nai University

Email: doanhuedhdn@yahoo.com

(Received: 11/1/2024, Revised: 7/3/2024, Accepted for publication: 27/3/2024)

ABSTRACT

The article delves into the narrative structures of contemporary Vietnamese historical novels, emphasizing four fundamental types. First is the episodic narrative structure, following a chronological order of events. In this approach, the plot strictly adheres to the timeline of occurrences. Second is the contrasting and parallel structure, depicting coexistence between “self” and “other,” as well as the juxtaposition of ideas within the same group and even within individual characters. The third type involves a structure based on the emotional journey of characters, with the internal lives of characters acting as the primary catalyst for plot development and transformation. The fourth type explores a fragmented structure, intricately weaving complex storylines that contribute to the expansion of the boundaries of the “novel within a novel” genre.

Keywords: *Narrative structure, historical novels, Vietnam, contemporary*